CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam

Ngày 31/12/2024	1,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.9%	**5.9%**	**-**

DT thuần
Q4/24
0
tỷ VNĐ

LN thuần
Q4/24
-0.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.03| -6.8%
YoY: ▲ 3.18| 85.6%

LN sau thuế
Q4/24
-0.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.03| -6.8%
YoY: ▲ 3.18| 85.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2024

ROE
2024
-1.9%
YoY: +/-▼ 1.4%

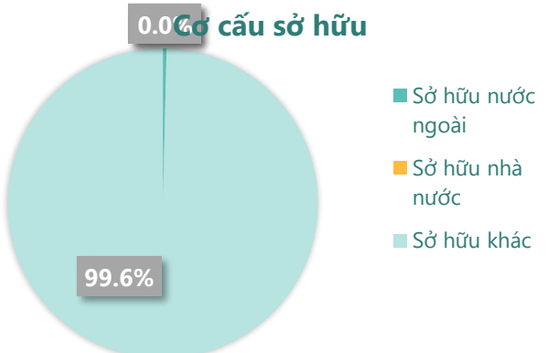
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,500 - 2,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	270
Số lượng CPLH (CP)	150,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	223,390
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	1.41
EPS	-18
P/E	-102.3

DT thuần
2024
0
tỷ VNĐ

LN thuần
2024
-2.64
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.26| 9.0%

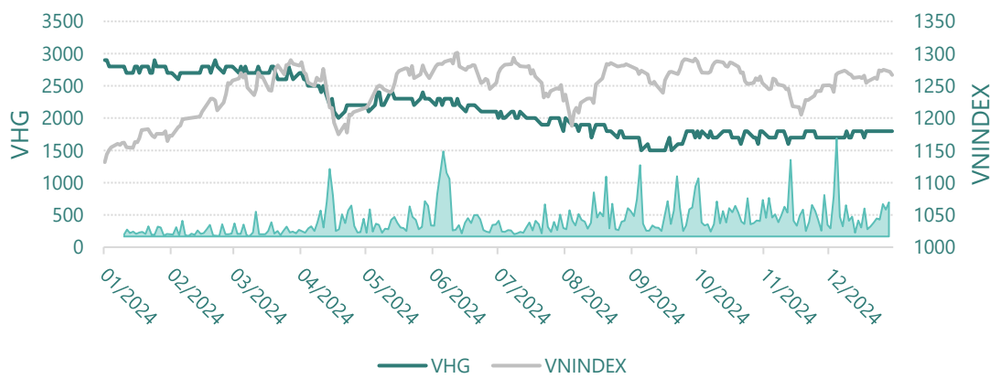
LN sau thuế
2024
-2.64
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.90| -254%

Cơ cấu sở hữu

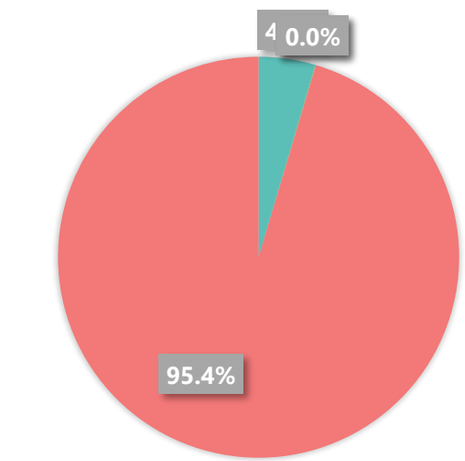


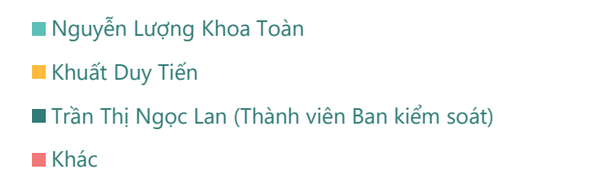
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

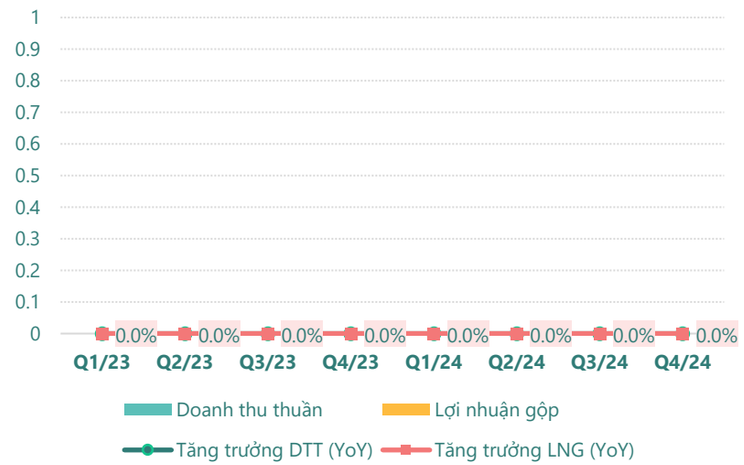




(Nguồn: fireant.vn)

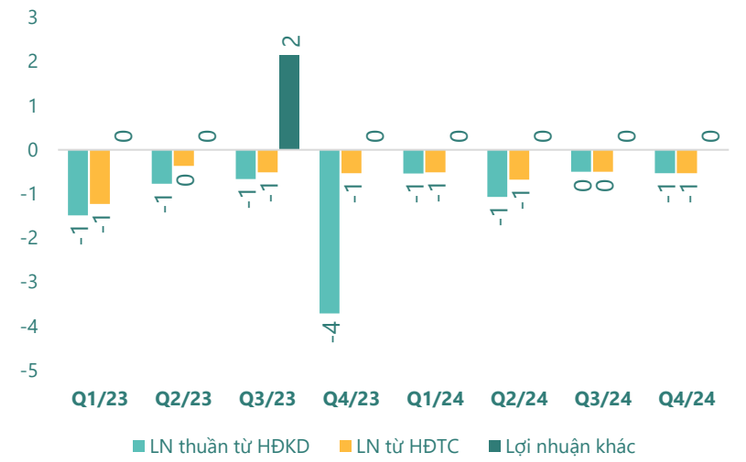
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



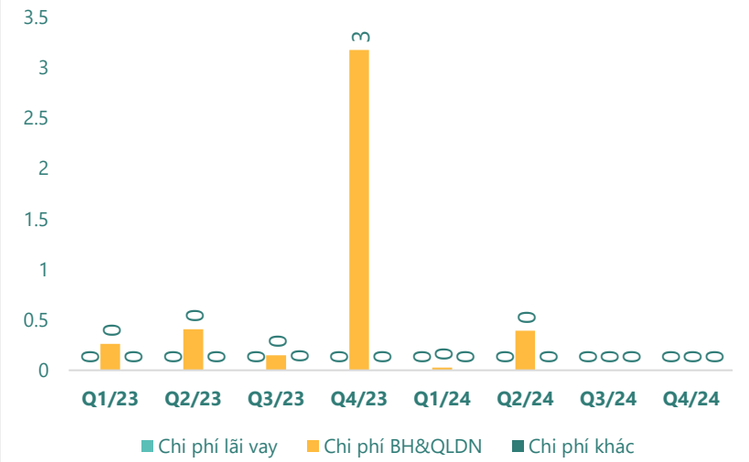
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



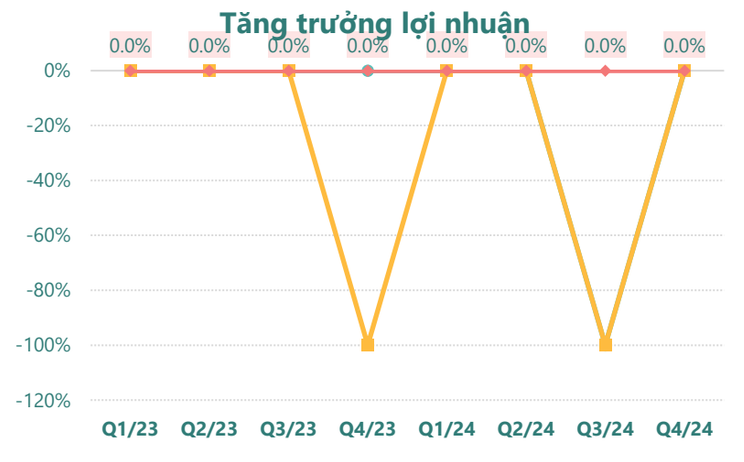
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



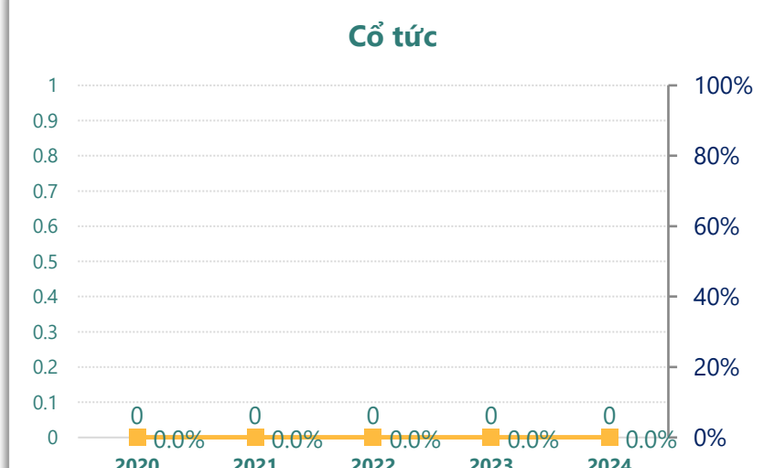
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

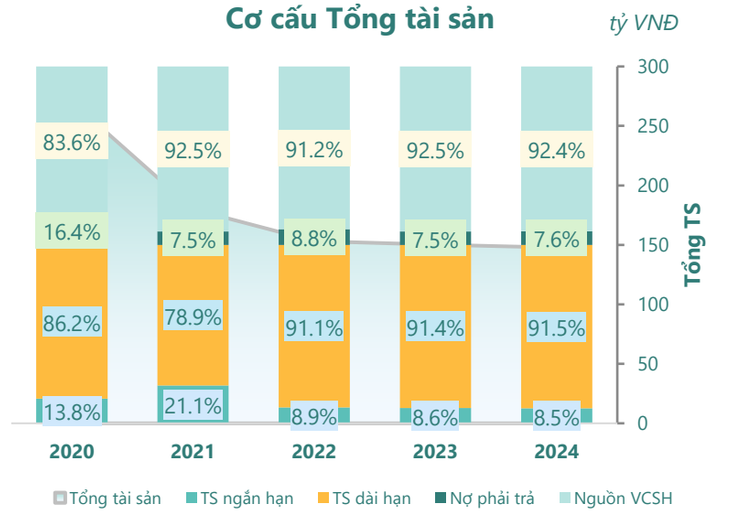
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

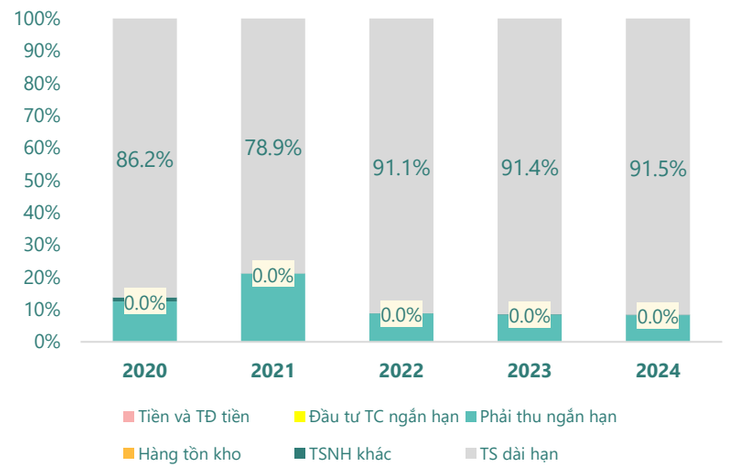
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



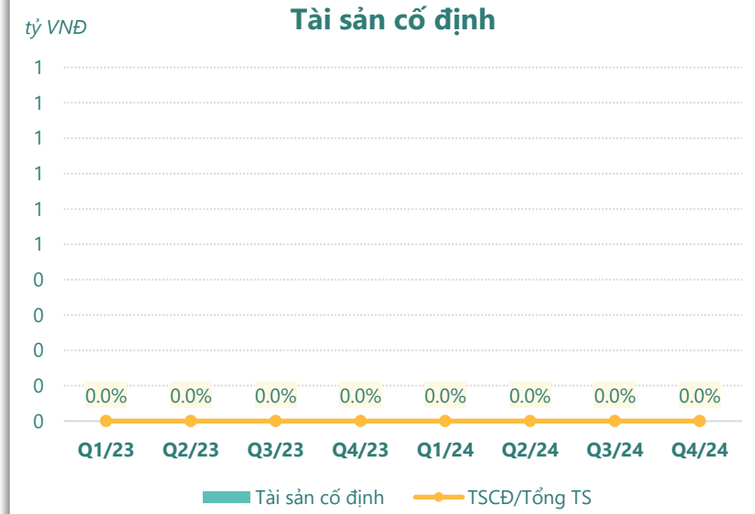
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



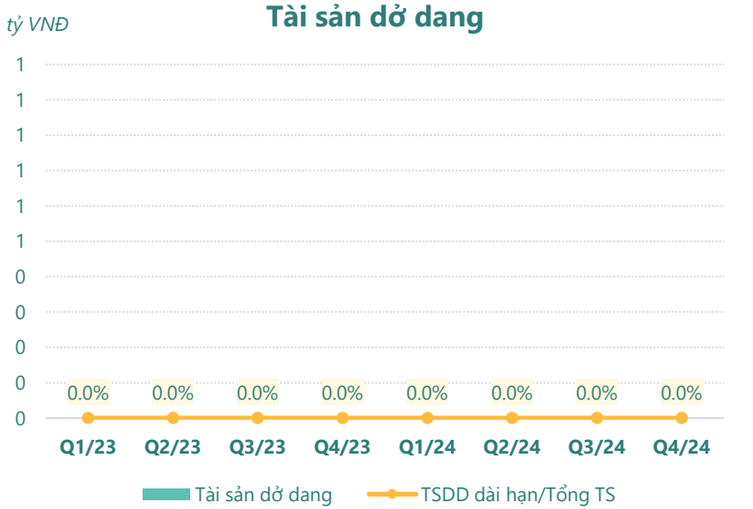
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



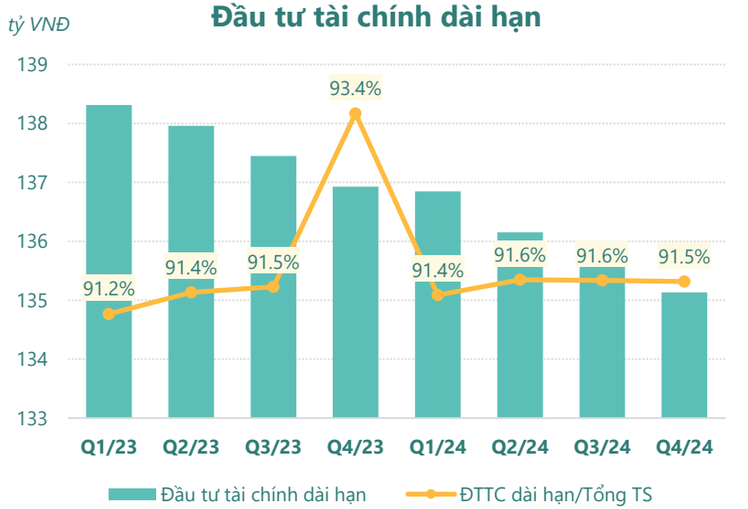
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



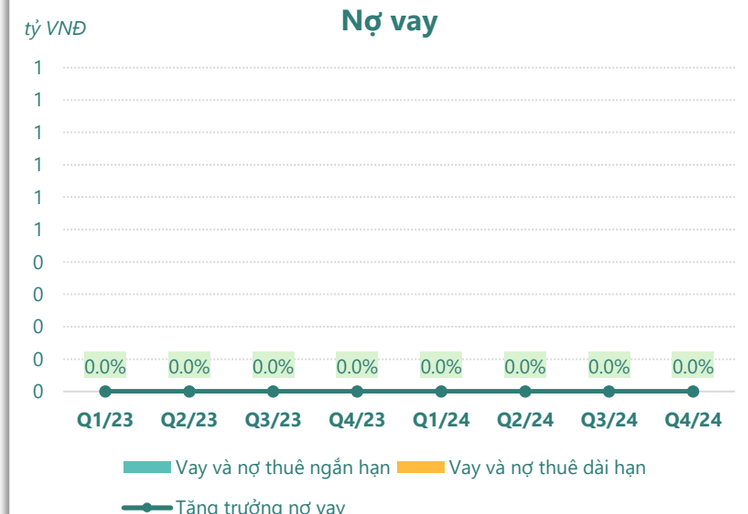
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

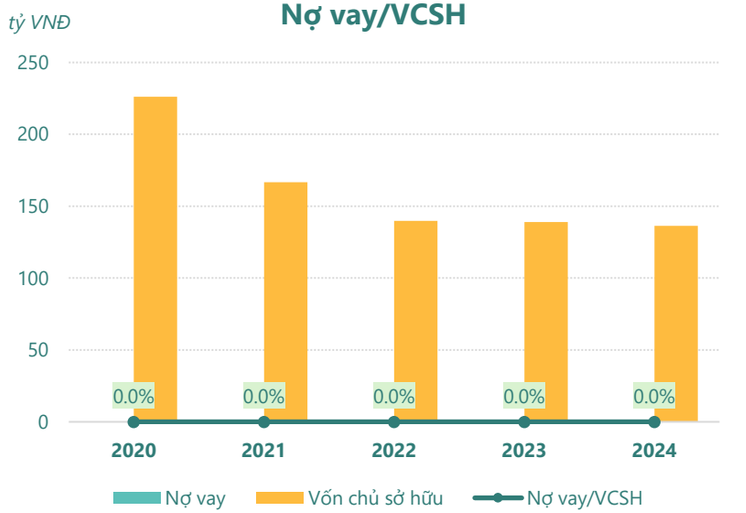
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

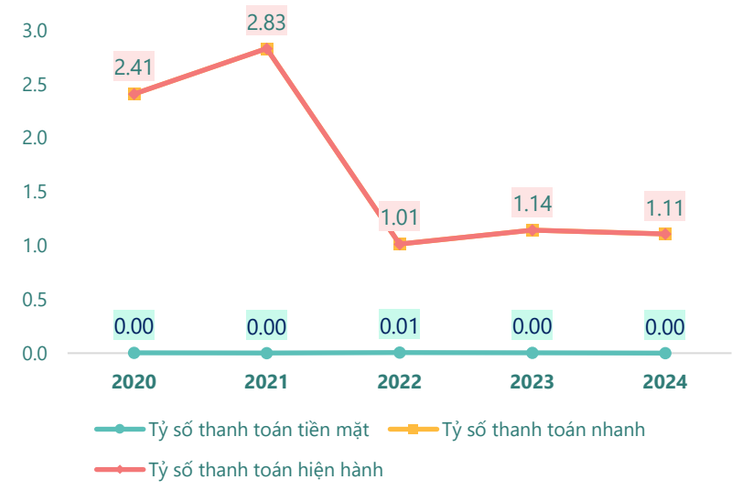
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



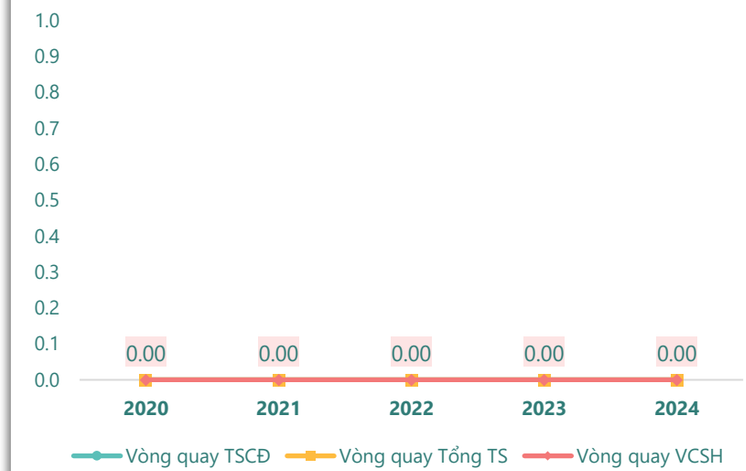
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



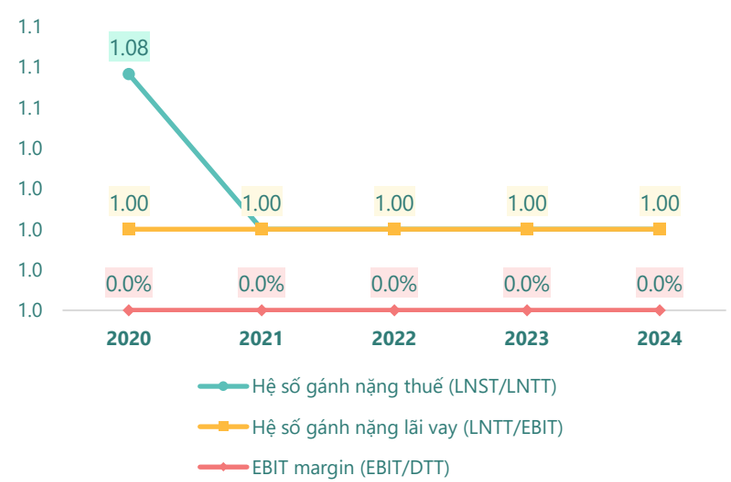
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



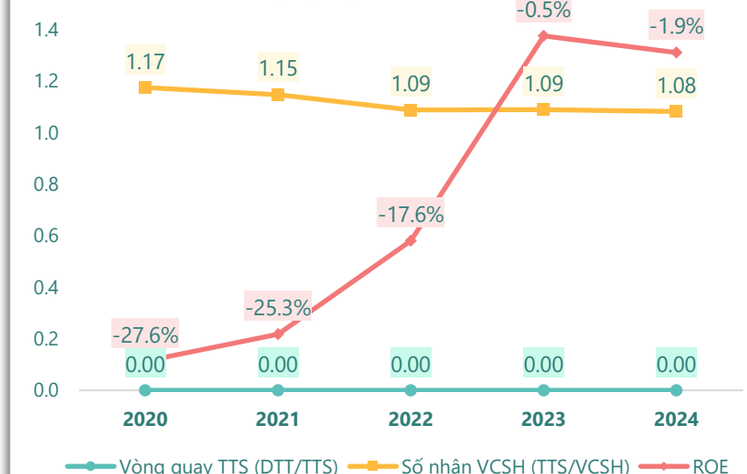
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



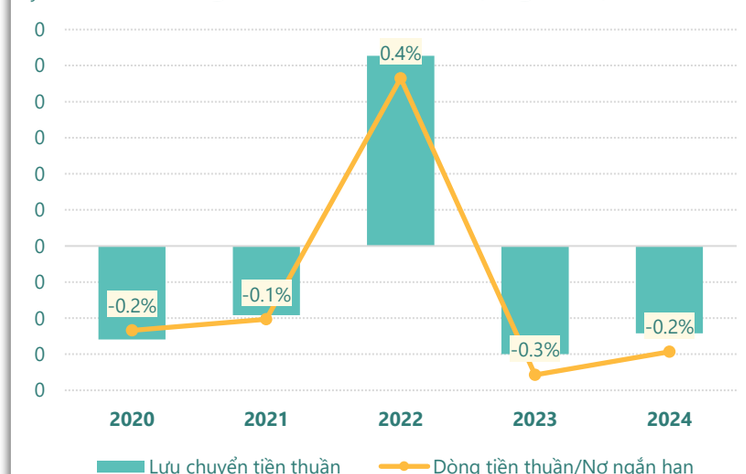
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0	
Chi phí TC	0.53	0.53	0.5%	2.22	2.20	0.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.00**	**3.18**	**-100.0%**	**0.42**	**0.70**	**-39.7%**
LN thuần từ HĐKD	-0.53	-3.71	85.6%	-2.64	-2.90	9.0%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**2.16**	**-100%**
LN trước thuế	-0.53	-3.71	85.6%	-2.64	-0.74	-254%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.53**	**-3.71**	**85.6%**	**-2.64**	**-0.74**	**-254%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.53**	**-3.71**	**85.6%**	**-2.64**	**-0.74**	**-254%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.03	0.30	0.00	-0.01	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-0.30	0.00	0.00	0.00	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.02	0.05	0.04	0.04	0.02	0.02
Lưu chuyển tiền thuần	**0.03**	**0.00**	**0.00**	**-0.01**	**0.00**	**0.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.05	0.04	0.04	0.02	0.02	0.02

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**148**	**150**	**-1.8%**
Tài sản ngắn hạn	12.5	12.9	-3.3%
Tiền và tương đương tiền	0.02	0.04	-58.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.07	0.07	12.1%
Phải thu ngắn hạn	12.1	12.5	-3.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.26	9.9%
Tài sản dài hạn	**135**	**137**	**-1.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	135	137	-1.6%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	11.3	11.3	0.0%
Nợ ngắn hạn	**11.3**	**11.3**	**0.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.81	0.81	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**136**	**139**	**-1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**136**	**139**	**-1.9%**
Vốn điều lệ	1,500	1,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)